

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2019/HS-ST

Ngày: 25-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Thẩm phán: Ông Vũ Văn Lê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hoài Nam
2. Ông Trần Huỳnh
3. Ông Bùi Quang Việt

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:* Ông Trương Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 571/2019/HSST
ngày 14 tháng 10 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
5214/2019/QĐXXST-HS ngày 04/11/2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Văn S; sinh ngày: 10/10/1966 tại tỉnh Long An; ĐKNKTT:
39 BGBT, phường TS, quận T Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2006 bị xóa tên
do trốn truy nã). Năm 2011, địa chỉ này đổi thành 31 Nguyễn Văn C, phường
TS, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 114/136/8/2 TN, Phường 5,
quận BV, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn:
9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con
ông: Nguyễn Văn NG; con bà: Trần Thị B; hoàn cảnh gia đình: có vợ là Trần
Lệ H (là bị cáo trong vụ án) và 02 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh
năm 1986 (là bị cáo trong vụ án); tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 10/5/1984 bị Phòng An ninh điều tra Công an Thành
phố Hồ Chí Minh bắt vì có hành vi xuất, nhập cảnh trái phép hoặc ở lại
nước ngoài trái phép. Ngày 06/11/1984, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh ra quyết định bắt buộc lao động tập trung 24 tháng tại Trường
giáo dục lao động 1079 trong thời gian từ 06/11/1984 đến 26/6/1986.

Tạm giam từ ngày 18/02/2019 (có mặt)

2/ Trần Lệ H; sinh ngày 28/3/1961 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKNKTT: 31 Nguyễn Văn C, phường TS, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 39 BGBT, phường TS, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: 114/136/8/2 TN, Phường 5, quận BV, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn Kẽm; con bà: Trần Thị Giỏi; hoàn cảnh gia đình: có chồng là Nguyễn Văn S (là bị cáo trong vụ án) và 02 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt)

3/ Nguyễn Quốc TH; sinh ngày: 18/8/1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKNKTT: 31 Nguyễn Văn C, phường TS, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 39 BGBT, phường TS, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: 114/136/8/2 TN, Phường 5, quận BV, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S (là bị cáo trong vụ án); con bà: Trần Lệ H (là bị cáo trong vụ án); hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt)

4/ Nguyễn Dân K; sinh ngày 23/6/1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ĐKNKTT: 31 Nguyễn Văn C, phường TS, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 39 BGBT, phường TS, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở: 114/136/8/2 TN, Phường 5, quận BV, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S (là bị cáo trong vụ án); con bà: Trần Lệ H (là bị cáo trong vụ án); hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt)

Người bào chữa: Luật sư Đỗ Hải Bình - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh - bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Lệ H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K (có mặt)

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Kim D (đã chết)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: anh Nguyễn Văn D – con ruột của bà Nguyễn Thị Kim D (có mặt)

Thường trú: tổ 3 ấp 5, xã VH, huyện VB, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 26/01/2005, anh Châu Phước H là nhân viên tiếp tân Khách sạn NL 3, tại số 257/29 LB, Phường 15, Quận 33, TP. Hồ

Chí Minh kiểm tra sổ lưu trú, thấy phòng số 7 do người có tên Nguyễn Văn S thuê ở cùng một người phụ nữ từ tối ngày 24/01/2005 nhưng không báo việc có đăng ký ở thêm hay không nên yêu cầu nhân viên vệ sinh cùng bảo vệ của khách sạn đến phòng số 7 liên hệ thì phát hiện người phụ nữ nằm chết dưới nền phòng số 7, trên đầu và dưới nền nhà có nhiều vết máu và trên đầu bị phủ tấm drap trải giường. Sự việc được anh Ngô Anh T trình báo cho Công an Phường 15, Quận 33 giải quyết. Qua xác minh, xác định được nạn nhân là bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1954, có hộ khẩu thường trú tại tổ 3, Ấp 5, xã VH, huyện VB, tỉnh Đồng Nai

Xác định có dấu hiệu tội phạm và thủ phạm là Nguyễn Văn S, ngày 04/02/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đồng thời ra quyết định truy nã đối với Nguyễn Văn S (Tám S) về tội Giết người theo Điều 93 Bộ luật hình sự 1999. Do chưa bắt được bị can, ngày 05/10/2005, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh đã ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án, bị can đối với Nguyễn Văn S. Đến ngày 18/02/2019, qua rà soát đối tượng truy nã trên địa bàn, Nguyễn Văn S bị bắt theo Lệnh truy nã khi đang cư trú tại 114/136/8/2 TN, Phường 5, quận BV, TP. Hồ Chí Minh (bút lục 4, 107, 109-113).

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn S khai nhận bản thân đã có vợ con nhưng từ năm 1998, khi lên Đồng Nai lập xưởng tái chế nhựa thì quen biết, có quan hệ tình cảm và nhiều lần vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị Kim D. Chiều tối ngày 24/01/2005, S chở bà DG bằng S gắn máy hiệu Honda Dream màu nho (không rõ biển số, đã bán từ lâu) từ Đồng Nai xuống Thành phố Hồ Chí Minh, sử dụng chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn S để thuê phòng số 07 tại khách sạn NL 3, địa chỉ số 257/29 LB, Phường 15, Quận 33 để ở và quan hệ tình dục với nhau. Trong khoảng thời gian lưu trú tại khách sạn, bà DG không ra khỏi phòng mà chỉ có S đi ra ngoài nhiều lần mua đồ ăn, ra vào phòng này.

Đến khoảng 15 giờ ngày 25/01/2005, giữa bà DG và S xảy ra mâu thuẫn do bà DG ghen tuông và yêu cầu S công khai chuyện tình cảm của hai người cho vợ của S nhưng S không đồng ý và mặc quần áo định bỏ đi thì bà DG cầm ghế gỗ trong phòng khách sạn đánh vào người S. S đưa tay ra đỡ, giật được phần thân ghế từ tay bà DG, nhưng bà DG cầm được phần chân ghế giữ lại và hai bên giằng co. S dùng sức đẩy và chọc đầu chân ghế trúng vào vùng cổ và ngực của bà DG. Sau đó, S giật được ghế, nâng lên cao, đập phần chân ghế nhiều cái vào đầu bà DG theo hướng từ trên xuống. Bà DG tiếp tục lao đến giằng co thì chiếc ghế rơi xuống nền phòng. S đã dùng tay xô đẩy và đánh nhiều cái vào vùng mặt, cổ, ngực, bụng, hông của bà DG làm bà DG ngã gục xuống sàn phòng, đầu tựa vào thành giường. Do thấy trên đầu bà DG và dưới nền phòng có nhiều máu, S dùng hai tay kéo bà DG lên giường, lấy chăn trên giường ngủ đắp ngang bụng bà DG, dùng 02 khăn tắm màu trắng trong phòng khách sạn lau máu rồi khép cửa phòng khách sạn, xuống đất lấy S gắn máy và

rời khỏi khách sạn. Sau khi rời khách sạn, S không biết bà DG có chết hay không nhưng khi được vợ, con báo Công an đến nhà tại quận Tân Phú và nơi làm việc tại Đồng Nai tìm thì S biết bà DG bị mình đánh chết.

Sợ bị bắt, S bỏ trốn và biết cơ quan Công an có Lệnh truy nã đối với mình về tội “Giết người” nên đã bỏ trốn đến ở nhiều nơi và hành nghề lái S ôm, lấy tên là Tám. Một thời gian sau, từ năm 2006, S thường liên lạc với gia đình để trao đổi việc đáo hạn ngân hàng đối với căn nhà 39 BGBT, phường TS, quận T và thỉnh thoảng về trước cửa nhà để ngủ qua đêm. Đến năm 2016, do bị bệnh suy thận giai đoạn 5 (cuối) và tiểu đường típ 2, viêm gan C, nên S đã về địa chỉ tại 114/136/8/2 TN, Phường 5, quận BV ở để vợ, con chăm sóc tại nhà và trong bệnh viện cho đến ngày bị bắt.

Bản Cáo trạng số 413/CT-VKS-P2 ngày 03/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Văn S về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội của Nguyễn Văn S đã kết luận: hành vi của bị cáo S đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” nên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

*điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 12 năm - 14 năm tù.

*điểm b khoản 1 Điều 389 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt các bị cáo Trần Lê H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K đều từ 12 - 18 tháng tù về tội “Che giấu tội phạm” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 - 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường chi phí mai táng, tổn thất tinh thần gồm và số tiền bị cáo S đã mượn của bị hại chưa trả. Về phân tang tài vật của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo luật định.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Lê H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K đồng ý về tội danh “Giết người” truy tố đối với bị cáo S nhưng Luật sư cho rằng bị cáo S phạm tội ở khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự chứ không phải khoản 1 Điều luật này như Cáo trạng đã truy tố vì bị hại cũng có một phần lỗi đã dùng tay và ghế đánh bị cáo trước. Các bị cáo Trần Lê H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K do xuất phát từ tình cảm gia đình nên mới phạm tội “Che giấu tội phạm”. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát, cho các bị cáo Hạnh, Thới và An được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn S ở khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà anh Nguyễn Văn D yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường chi phí mai táng là 80.000.000 đồng; bồi thường thiệt hại tổn thất tinh thần là 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là 149.000.000 đồng; 240.000.000 đồng mà bị cáo S đã vay của bà DG trước khi chết, trong đó gồm 190.000.000 đồng tiền mặt do bà DG cho bị cáo S vay trực tiếp và 50.000.000 đồng là do bà DG đã cầm giấy tờ nhà để vay của người khác để có tiền cho bị cáo S vay, tổng cộng là 469.000.000 đồng.

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Lệ H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình, làm ăn chân chính, sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội DG vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Do có mâu thuẫn ghen tuông chuyện tình cảm nên vào lúc 15 giờ ngày 25/01/2005, tại phòng số 07 tầng 1 khách sạn NL 3 - địa chỉ số 257/29 LB, Phường 15, Quận 33, Thành phố Hồ Chí Minh, trong lúc giằng co chiếc ghế với bà Nguyễn Thị Kim D thì Nguyễn Văn S đã dùng sức đẩy làm đầu chân ghế chọc vào vùng cổ và ngực của bà DG. Khi giật được chiếc ghế này từ tay bà DG, S nâng lên cao rồi đập chân ghế liên tiếp nhiều cái trúng vào vùng đầu của bà DG. Sau đó S tiếp tục dùng tay xô đẩy đánh nhiều cái vào mặt, cổ, ngực, bụng, hông của bà DG làm bà DG ngã gục xuống sàn và tử vong sau đó.

* Kết quả khám nghiệm hiện trường và giải phẫu tử thi số 44/PC21(KNHT) ngày 28/01/2005 của Phòng Kỹ thuật Công an thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận: Toàn thân bên ngoài tử thi có một số dấu vết bỏng do điện ở vùng tay chân, cánh mũi, dải tai gồm 11 vết. Vùng ngực có 02 vết bầm tím tái: 6cmx3cm và 3cm x 2,5cm. Vùng đầu có 5 vết rách da bờ mép nhám nhỏ và chàm xương sọ. Bên trong xuất huyết dưới da đầu ở các nơi bị tổn thương rách da. Gãy xương sườn cung trước bên phải 2,3,4.

Căn cứ vào kết quả khám nghiệm hiện trường và giải phẫu tử thi, kết hợp nguồn tin thu thập được, Phòng PC21 nhận định: Đây là vụ án mạng, chưa rõ nguyên nhân. Thời gian gây án khoảng từ 14h-17h ngày 25/01/2005. Phương thức thủ đoạn: Khả năng đối tượng dùng dây điện chích vào người nạn nhân, sau đó bóp cổ và dùng vật tày có cạnh đập vào đầu cho nạn nhân chết hẳn. Hung khí là dây điện, vật có cạnh sắc. Nạn nhân chết do các tác động: điện giật, mất nhiều máu, ngạt cơ học. Nguyên nhân chết chờ kết luận chính thức của bác sĩ pháp y.

* Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 33/GPTT.05 ngày 05/3/2019 của Tổ chức giám định pháp y Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Có 05 vết rách da tại vùng đầu; có nhiều vết sây sát da, bầm tụ máu vùng mặt, cổ, ngực và tứ chi; có nhiều vết bỏng da trên cơ thể; chảy máu dưới nhện; tụ máu dưới da và trong cơ vùng cổ; tụ máu dưới da và trong cơ vùng ngực; gãy các xương sườn 2,3,4 bên phải; hai phổi sung huyết; có nhiều chấm xuất huyết tại thanh mạc hai phổi và tim. Kết luận nguyên nhân chết do đa chấn thương.

* Bản kết luận giám định pháp y về tử thi (giám định bổ sung) số 33.B/GPTT.05 ngày 18/4/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Các tổn thương trên người nạn nhân xảy ra dưới 24 giờ, tính đến thời điểm phát hiện tử thi. Các vết rách da ở đầu và các vết sây sát da, bầm tụ máu vùng mặt, cổ, ngực, tứ chi là do vật tày gây ra. Các vết bỏng da trên cơ thể do điện hoặc nhiệt gây ra. Chiếu ghế (ảnh chụp tại hiện trường) do Cơ quan Cảnh sát điều tra cung cấp có thể gây ra được các vết thương trên đầu nạn nhân. Ngạt cơ học là nguyên nhân chính dẫn đến tử vong. Các tổn thương ở cổ và ngực gây ra ngạt cơ học. Nếu chỉ có 05 vết thương trên đầu nạn nhân thì không dẫn đến tử vong.

Sau khi ban hành Kết luận điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 7775/PC02 - Đ9 ngày 04/9/2019 đề nghị tiếp nhận Bản kết luận giám định pháp y về tử thi (giám định bổ sung) số 33.C/GPTT.05 ngày 19/8/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh với kết luận: Cơ chế hình thành đối với các tổn thương gãy xương sườn 2,3,4 bên phải trong bản Kết luận giám định là do vật tày tác động gây ra. Nếu dùng tay, chân tác động có thể gây ra được các tổn thương này. Sau khi nạn nhân bị đánh gây ra 05 vết thương trên đầu, liền sau đó nếu dùng tay tác động vào vùng cổ, ngực có thể gây ra ngạt dẫn đến tử vong. Với hình ảnh

chiếc ghế (ảnh chụp tại hiện trường) nếu dùng chân chiếc ghế này đẩy, chọc vào vùng cổ, ngực của nạn nhân khó có thể gây ra các tổn thương ở cổ, ngực dẫn đến ngạt cơ học như đã nêu trên.

Từ những phân tích, đánh giá các chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của Nguyễn Văn S thực hiện đã phạm tội “Giết người” theo Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Chỉ vì mâu thuẫn trong chuyện tình cảm với bà Nguyễn Thị Kim D mà Nguyễn Văn S đã sử dụng ghế đập liên tiếp nhiều cái vào đầu, ngực, cổ rồi tiếp tục dùng tay đánh vào mặt, bụng, hông là những vùng trọng yếu trên cơ thể của bà DG làm bà DG gục ngã xuống nền nhà và tử vong sau đó. Hành vi của bị cáo S thuộc trường hợp “có tính chất côn đồ” nên cần áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo S về tội “Giết người”.

Các bị cáo Trần Lệ H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K là vợ và hai con ruột của bị cáo Nguyễn Văn S. Mặc dù vào năm 2005 các bị cáo Hạnh, Thới và An đều được Công an cho biết đang truy tìm bị cáo S theo lệnh truy nã về hành vi “Giết người”, tuy nhiên vào năm 2006, khi bị cáo S trở về nhà để giải quyết tranh chấp ngân hàng thì các bị cáo Hạnh, Thới và An không những không đi trình báo sự việc này với Công an mà vẫn thường xuyên liên lạc, cho bị cáo S về trước cửa nhà ngủ và còn chu cấp tiền cho bị cáo S chữa bệnh tiểu đường và chạy thận, cho đến năm 2006 bị cáo S về ở hẳn tại nhà. Hành vi này của các bị cáo Trần Lệ H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K đã cấu thành tội “Che giấu tội phạm” được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 389 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Để giữ gìn kỷ cương pháp luật, bảo vệ trật tự tính mạng người dân, trật tự trị an xã hội cần xử phạt các bị cáo một mức hình phạt thật nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

[3] Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Lệ H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K không có tiền án, tiền sự; tại cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo S hiện sức khỏe rất yếu, bị suy thận giai đoạn cuối phải thường xuyên chạy thận, tiểu đường típ 2 và viêm gan C. Xét thấy cần cách ly vĩnh viễn bị cáo S ra khỏi đời sống xã hội mới phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Các bị cáo Hạnh, Thới và An đều là vợ và hai con ruột của bị cáo Nguyễn Văn S, phạm tội do xuất phát từ tình cảm người thân gia đình, hiện các bị cáo này có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian được tại ngoại không vi phạm pháp luật nên xét thấy không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung như lời bào chữa của Luật sư là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử xét thấy chi phí mai táng là 80.000.000 đồng và tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng anh Dũng yêu cầu là hợp lý; số tiền 15.000.000 đồng bị cáo S thừa nhận còn thiếu nợ bà DG nên Hội đồng xét xử chấp nhận các khoản này.

Đối với yêu cầu bồi thường 240.000.000 đồng bị cáo S đã vay mượn của bà DG trước khi chết thì anh Dũng không xuất trình ra được giấy tờ nào khác để chứng minh.

Như vậy bị cáo S phải bồi thường tổng cộng là 244.000.000 đồng cho gia đình bị hại do anh Nguyễn Văn D là người đại diện nhận.

[5] Về tang vật của vụ án:

- Các mẫu vật Phòng PC21 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã thu giữ: 02 vỏ lon bia Heineken; 01 ly nhựa trắng; 01 vỏ bao thuốc lá; 01 vỏ chai nước khoáng; bộ bình tách uống trà sau thu giữ không phát hiện được dấu vết đường vân trên các mẫu vật này, Phòng PC21 đã hoàn trả lại cho cơ quan điều tra - Công an Thành phố. Tuy nhiên, các mẫu vật thu giữ nêu trên sau khi xử lý, được lưu giữ tại kho của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 27/02/2013 do sự cố cháy kho lưu giữ các mẫu vật nên toàn bộ các mẫu vật trong vụ án đã cháy hết, hiện không còn để hoàn trả cho Cơ quan điều tra.

- Đối với các đồ vật thu giữ tại hiện trường gồm: 01 túi xách màu nâu đen; 01 áo khoác; 01 nón vải màu xanh tím; 01 vòng cột tóc bằng vải nhung màu xanh; 01 khâu trang bít mặt nữ xanh trắng bông hồng xanh; 01 đôi găng tay nữ bằng vải thun màu vàng nhạt; 07 cây viết các loại; 01 cái gương; 02 chai dầu gió hiệu Phật Linh Trường Sơn; 01 đôi dép xốp hiệu Bitis nền quai màu xanh đen có thêu bông hồng màu trắng; 01 quần dài màu đen; 01 áo gió bằng vải thun màu đen có đốm màu trắng tròn; 01 áo ngực màu trắng; 02 bàn chải màu trắng đã qua sử dụng, 01 tuýp kem đánh răng màu trắng nhỏ đã sử dụng; 940.000 đồng Việt Nam. Anh Nguyễn Hữu Thiện (sinh năm 1986) là con ruột nạn nhân Nguyễn Thị Kim D nhận dạng được là tư trang, tài sản của mẹ mình, ngày 27/01/2005 Cảnh sát điều tra - Công an Quận 11 đã trả cho người nhà bà DG.

Do đó Hội đồng xét xử không giải quyết tang vật trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

1/ Xử phạt: **Nguyễn Văn S** Tù chung thân về tội “Giết người”.

Thời hạn tù tính từ ngày 18/02/2019.

*Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

2/ Xử phạt: **Trần Lệ H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Che giấu tội phạm” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân nhân dân phường TS, quận T , Thành phố Hồ Chí Minh quản lý giáo dục trong thời gian thử thách

3/ Xử phạt: **Nguyễn Quốc TH** 01 (một) năm tù về tội “Che giấu tội phạm” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân nhân dân phường TS, quận T , Thành phố Hồ Chí Minh quản lý giáo dục trong thời gian thử thách

4/ Xử phạt: **Nguyễn Dân K** 01 (một) năm tù về tội “Che giấu tội phạm” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 25/11/2019.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân nhân dân phường TS, quận T , Thành phố Hồ Chí Minh quản lý giáo dục trong thời gian thử thách

Trường hợp người thi hành án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự năm 2010.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường 244.000.000 đồng cho gia đình bị hại do anh Nguyễn Văn D đại diện nhận.

Các bị cáo Nguyễn Văn S, Trần Lê H, Nguyễn Quốc TH và Nguyễn Dân K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 12.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Đã giải thích chế định án treo.

Nơi nhận:

- TAND TC (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKS ND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Bị cáo; (4)
- Luật sư; (1)
- THA HS; (4)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Phòng PC 45 – CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (28) (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình